

Số: 165/2019/QĐST-HNGĐ

M, ngày 30 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213; Điều 396; khoản 4 Điều 397 và khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 219/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn xx, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1970

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn xx, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị H và anh D được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ngày 22/7/2019 và Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 22/7/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn D không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về khoản nợ chung Chị H và anh D không có khoản nợ chung.

[5]. Về lệ phí : Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn D, mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, chị Vũ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày các đương sự thỏa thuận ly hôn và hòa giải thành (ly hôn), có đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án (ngày 22/7/2019); nộp Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án cho Tòa án ngày 25/7/2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

Do công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D nên Giấy chứng nhận kết hôn, số 40 - quyển số 01 do Ủy ban nhân dân UBND xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 29/9/2000 không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Không có.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về khoản nợ chung:** Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000004 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M. Chị H đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương